

BÁO CÁO

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2022

Thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa X, kỳ họp thứ 2 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2022 và Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa X, kỳ họp thứ 2 về phân bổ ngân sách địa phương năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 3399/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

- Dự toán thu ngân sách nhà nước..... 10.020 tỷ đồng.
- + Thu nội địa8.720 tỷ đồng.
- + Thu xuất nhập khẩu 1.300 tỷ đồng.
- Dự toán thu ngân sách địa phương (NSDP)10.342,2 tỷ đồng.
- + Thu cân đối NSDP 9.312,6 tỷ đồng.
- + Thu NSTW bổ sung các CT mục tiêu, nhiệm vụ:1.029,6 tỷ đồng.
- Dự toán chi ngân sách địa phương10.398 tỷ đồng.
- + Chi cân đối NSDP:9.368,4 tỷ đồng.
- + Chi các CT mục tiêu, nhiệm vụ:1.029,6 tỷ đồng.
- Bội chi ngân sách địa phương.....55,8 tỷ đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2022 như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN QUÝ I NĂM 2022

I. VỀ THU NSNN

Ước thực hiện thu NSNN trên địa bàn 2.687,9 tỷ đồng, đạt 26,8% dự toán, giảm 24,5% cùng kỳ, gồm:

1. Phân theo nguồn thu

- Thu nội địa 2.276,2 tỷ đồng, đạt 26,1% dự toán, giảm 26,9% cùng kỳ.
- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 411,7 tỷ đồng, đạt 31,7% dự toán, giảm 7,4% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện, thị xã, thành phố (Tính riêng thu nội địa)

- Khối Tỉnh: 1.615,8 tỷ đồng, đạt 24,6% dự toán.
- Khối Huyện: 660,4 tỷ đồng, đạt 30,7% dự toán, trong đó: tất cả 9/9 huyện, thị xã, thành phố đều đạt từ 25% so dự toán trở lên.

II. VỀ CHI NSDP

Ước thực hiện chi ngân sách địa phương: 3.162,7 tỷ đồng, đạt 30,4% dự toán, tăng 23,2% cùng kỳ, trong đó:

1. Phân theo nhiệm vụ chi

- Chi cân đối NSDP: 2.286 tỷ đồng, đạt 24,4% dự toán, tăng 1% cùng kỳ, trong đó: Chi đầu tư phát triển: 1.021,1 tỷ đồng, đạt 31,6% dự toán, giảm 21,3% cùng kỳ; Chi thường xuyên: 1.264,9 tỷ đồng, đạt 21,3% dự toán, tăng 30,9% cùng kỳ;
- Chi các CTMT, nhiệm vụ: 701 tỷ đồng, đạt 68,2% dự toán, tăng 277,6% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện, thị xã, thành phố

- Khối Tỉnh: 1.726,7 tỷ đồng, đạt 28,2% dự toán;
- Khối Huyện: 1.436 tỷ đồng, đạt 33,7% dự toán.

III. CÂN ĐỐI THU, CHI NSDP

1. Tổng thu NSDP..... 3.964,7 tỷ đồng.

- Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết..... 2.096,3 tỷ đồng.
- Thu bổ sung từ NSTW (Phụ biểu số 1.4)..... 603,8 tỷ đồng.
- Thu chuyển nguồn..... 1.264,6 tỷ đồng.

2. Tổng chi NSDP..... 3.162,7 tỷ đồng.

- Chi cân đối Ngân sách địa phương 2.286 tỷ đồng.
- Chi các CTMT, nhiệm vụ 701 tỷ đồng.
- Chi tạm ứng ngân sách 175,7 tỷ đồng.

3. Tồn quỹ NSDP (1-2) 802 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh..... 46,1 tỷ đồng.
- Ngân sách huyện, xã 755,9 tỷ đồng.

V. ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đạt được

1.1. Về thu ngân sách

Công tác thu ngân sách được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời từ các cấp ủy Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các Sở, ban, ngành tỉnh với các

huyện, thị xã, thành phố; quản lý, khai thác nguồn thu đảm bảo thu đúng, đủ theo quy định. Có 9/16 khoản thu đạt từ 25% trở lên so với dự toán, cụ thể như sau:

- Thu từ DNNN đạt 33,8% dự toán, giảm 24,1% cùng kỳ, trong đó: Thu từ DNNN trung ương đạt 35,7% dự toán, giảm 7,4% cùng kỳ; Thu từ DNNN địa phương đạt 19,8% dự toán, giảm 77,3% cùng kỳ;
- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 31% dự toán, giảm 16,2% cùng kỳ;
- Thu lệ phí trước bạ đạt 28,6% dự toán, tăng 0,4% cùng kỳ;
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 27,2% dự toán, tăng 34,3% cùng kỳ;
- Thuế Thu nhập cá nhân đạt 38,7% dự toán, tăng 10,9% cùng kỳ;
- Thuế bảo vệ môi trường đạt 25,3% dự toán, giảm 0,2% cùng kỳ;
- Thu phí, lệ phí đạt 32,2% dự toán, tăng 14,9% cùng kỳ;
- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 26,3% dự toán, giảm 23,8% cùng kỳ;
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 31,7% dự toán, giảm 7,4% cùng kỳ.

1.2. Về chi ngân sách

Thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển đạt 31,6% dự toán, nguyên nhân đạt cao chủ yếu do phần lớn có số giải ngân tạm ứng XDCCB từ nguồn năm 2021 chuyển sang năm 2022;
- Chi thường xuyên đã đảm bảo các nhu cầu chi theo chủ trương của tỉnh về phòng, chống dịch, về thăm hỏi các đối tượng chính sách, chi đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, chi trả tiền lương và các nhiệm vụ đột xuất khác;
- Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ đạt 68,2% dự toán, do có số giải ngân nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương chuyển nguồn từ năm 2021 sang năm 2022 để thực hiện các dự án.

2. Những khó khăn

2.1. Về thu ngân sách:

Trong 3 tháng đầu năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, khó lường và làm ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước, có 07/16 khoản thu đạt dưới 25% so với dự toán, cụ thể là: Thu từ DN có vốn ĐTNN đạt 22,3% dự toán, giảm 51,8% cùng kỳ; Thu tiền sử dụng đất đạt 14,8% dự toán, tăng 1,9% cùng kỳ; Thu tiền thuê đất đạt 5,7% dự toán, giảm 92,2% cùng kỳ; Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 9,7% dự toán, giảm 14% cùng kỳ; Thu khác ngân sách đạt 21,8% dự toán, giảm 59,7% cùng kỳ; Các khoản thu tại xã đạt 24,2% dự toán, giảm 12% cùng kỳ; Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế đạt 12% dự toán.

2.2. Về chi ngân sách:

- Chi đầu tư phát triển từ nguồn cân đối đạt khá, vượt tiến độ dự toán. Tuy nhiên, nếu chỉ tính số giải ngân vốn XDCB theo dự toán chi ngân sách đầu năm thì chi đầu tư XDCB (nguồn cân đối) 3 tháng đạt thấp so với tiến độ (15,3% dự toán).

- Chi thường xuyên, ngoài lĩnh vực đạt cao so dự toán là đảm bảo xã hội thì các lĩnh vực còn lại chưa đạt tiến độ dự toán, trong đó: sự nghiệp kinh tế đạt 8,3% (trong đó: sự nghiệp nông nghiệp 10%; sự nghiệp lâm nghiệp 12,4%; sự nghiệp thủy lợi 1,4%; sự nghiệp giao thông 7,5%; sự nghiệp kiến thiết thị chính 8,4% và sự nghiệp kinh tế khác 10,7%); sự nghiệp môi trường 12,2%; sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề: 19,8%; sự nghiệp y tế: 15,5%; sự nghiệp văn hóa: 17,5%; sự nghiệp phát thanh truyền hình: 10,5%; sự nghiệp thể dục thể thao: 14,3%; sự nghiệp KHCN: 10,6%; chi quản lý hành chính: 21,2%; chi khác: 10,3%.

(Kèm biểu mẫu số 59, 60, 61/CK-NSNN)

Trên đây là báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2022./.

Nơi nhận: 

- TT: TU, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm CBTH (Đăng Công thông tin điện tử tỉnh TN);
- Sở Tài chính (Đăng Công thông tin điện tử STC);
- LĐVP; KT;
- Lưu: VT. VP.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Dương Văn Thắng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 128/BC-UBND ngày 13/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I/2022	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	10.020.000	3.952.510	39,4%	111,1%
I	Thu cân đối NSNN	10.020.000	2.687.944	26,8%	75,5%
1	Thu nội địa	8.720.000	2.276.207	26,1%	73,1%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.300.000	411.737	31,7%	92,6%
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		1.264.566		
B	TỔNG CHI NSDP	10.396.987	2.987.015	28,7%	121,9%
I	Chi cân đối NSDP	9.368.396	2.285.998	24,4%	101,0%
1	Chi đầu tư phát triển	3.230.380	1.021.093	31,6%	78,7%
2	Chi thường xuyên	5.950.758	1.264.905	21,3%	130,9%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	0	0		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0	0,0%	
5	Dự phòng ngân sách	186.258	0	0,0%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.028.591	701.017	68,2%	377,6%
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	55.800	4.838		
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	6.100	0		



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 127/BC-UBND ngày 13/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I/2022	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	10.020.000	2.687.944	26,8%	75,5%
I	Thu nội địa	8.720.000	2.276.207	26,1%	73,1%
1	Thu từ khu vực DNNN	370.000	124.931	33,8%	75,9%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.180.000	263.684	22,3%	48,2%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.624.000	504.057	31,0%	83,8%
4	Thuế thu nhập cá nhân	870.000	336.258	38,7%	110,9%
5	Thuế bảo vệ môi trường	615.000	155.860	25,3%	99,8%
6	Lệ phí trước bạ	350.000	100.119	28,6%	100,4%
7	Thu phí, lệ phí	420.000	135.364	32,2%	114,9%
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.400.000	172.455	12,3%	39,4%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	12.000	3.261	27,2%	134,3%
-	Thu tiền sử dụng đất	988.000	146.489	14,8%	101,9%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	400.000	22.705	5,7%	7,8%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	27.000	2.628	9,7%	86,0%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	2.000	239	12,0%	
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.650.000	434.426	26,3%	76,2%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	2.000	483	24,2%	88,0%
13	Thu khác ngân sách	210.000	45.703	21,8%	40,3%
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.300.000	411.737	31,7%	92,6%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số: 128/BC-UBND ngày 15/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I/2022	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP	10.396.987	2.987.015	28,7%	121,9%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	9.368.396	2.285.998	24,4%	101,0%
I	Chi đầu tư phát triển	3.230.380	1.021.093	31,6%	78,7%
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.988.280	983.646	32,9%	76,7%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	234.600	37.447	16,0%	236,4%
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	5.950.758	1.264.905	21,3%	130,9%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.485.320	492.104	19,8%	112,0%
2	Chi khoa học và công nghệ	40.670	4.306	10,6%	87,3%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	473.175	73.120	15,5%	165,0%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	116.320	20.341	17,5%	112,2%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	52.905	5.567	10,5%	201,1%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	36.130	5.151	14,3%	156,5%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	131.950	16.151	12,2%	1792,6%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	789.095	65.676	8,3%	164,4%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	978.220	207.074	21,2%	99,7%
10	Chi bảo đảm xã hội	419.705	303.267	72,3%	233,2%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	0	0	0,0%	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0	0,0%	
V	Dự phòng ngân sách	186.258	0	0,0%	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	1.028.591	701.017	68,2%	377,6%
I	Chương trình mục tiêu quốc gia	0	399		16,2%
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.028.591	700.618	68,1%	382,5%
1	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	935.449	685.814	73,3%	434,2%
2	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	93.142	14.804	15,9%	58,7%